

Ngày: 31/3/2026
V. v Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Lực;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở, Tòa thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hành chính thụ lý số 357/2025/TLPT-HC ngày 19 tháng 12 năm 2025, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”. Do có kháng cáo của người khởi kiện, đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 476/2025/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2446/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ dân phố số C, phường Đ, thành phố Hà Nội. (mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Hồ Thị T - Công ty Luật TNHH Năng & Partner, Đoàn sư thành phố H; (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H; Đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt).

2.2. Ủy ban nhân dân quận B (kế thừa tổ tụng là Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Hà Nội);

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H2, chức vụ: Chủ tịch; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt).

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B (kế thừa tổ tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân

dân phường Đ, thành phố Hà Nội); Địa chỉ: phố V, TDP B, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H2, chức vụ: Chủ tịch; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường Đ, quận B (kế thừa tổ tụng là Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn H2, chức vụ: Chủ tịch; Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C, chức vụ: Phó Chủ tịch (vắng mặt).

3.2. Ông Điền Văn D, sinh năm 1980; Cháu Điền Gia H3 sinh năm 2011 và cháu Điền Gia H4, sinh năm 2013 (người đại diện cho con chưa thành niên là bà Nguyễn Thị Thúy H1); địa chỉ: Tổ dân phố số C, phường Đ, thành phố Hà Nội (Ông D, bà H1 đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

1. Theo đơn khởi kiện, và lời khai của bà Nguyễn Thị Thúy H1 trình bày: Tôi (Nguyễn Thị Thúy H1) đang trực tiếp sử dụng thửa đất số 213, diện tích 40,65m² ổn định, không có tranh chấp. Nguồn gốc thửa đất do nhận chuyển từ bà Hoàng Thị N chuyển nhượng cho bà Điền Thị H5 năm 2008; Bà Điền Thị H5 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thúy H1 diện tích 64m² năm 2013. Từ khi chuyển nhượng cho chúng tôi đã sinh sống tại đây. Gia đình chúng tôi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp sổ nhà, cấp điện, nước, được đăng ký hộ khẩu thường trú tại thửa đất này. Ủy ban nhân dân (UBND) quận B ra thông báo thu hồi đất để xây dựng dự án làm đường, nhưng lại xác định thửa đất trên là đất công ích của Nhà nước, khiến quyền lợi chúng tôi bị ảnh hưởng trầm trọng. UBND quận B công bố hồ sơ để chứng minh nguồn gốc là đất nông nghiệp công ích bao gồm: bản đồ quy hoạch sử dụng đất năm 1999-2000, danh sách tổng hợp các hộ gia đình đang sử dụng quản lý đất nông nghiệp năm 2007 và 2012. Tôi cho rằng hồ sơ quản lý quỹ đất nông nghiệp, UBND quận B công bố là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Năm 2007, khi thực hiện thống kê các hộ sử dụng đất nông nghiệp công ích, UBND xã Đ đã lập danh sách các hộ đang sử dụng đất công ích xã Đ, HTX Đ1 trong đó đã thống kê bà Hoàng Thị N sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ số 9. Điều này là vô lý, bởi gia đình tôi đã sinh sống và xây dựng nhà ở tại thửa đất đó từ năm 2002. Sau này, để hợp thức hóa về mặt giấy tờ, chúng tôi đã ký kết Giấy chuyển nhượng mua bán viết tay, với mục đích đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan nhà nước, xin đóng thuế đất. Mặt khác, theo quy định tại Khoản 4 Điều 132 Luật Đất đai, việc sử dụng đất nông nghiệp công ích phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Khoản 3 Điều 45 quy định UBND cấp tỉnh có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, kế

hoạch sử dụng đất cấp huyện. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết khiếu nại lần đầu, UBND quận B đã không đưa ra được bất cứ hồ sơ nào, chứng minh về việc phê duyệt quy hoạch đất công ích của Cơ quan có thẩm quyền nêu trên. Không đồng ý với Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc điều chỉnh, Quyết định số: 5290/QĐ – UBND ngày 27/9/2018 về việc thu hồi đất tại phường Đ, Quyết định số: 1335/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất, tôi làm đơn khiếu nại đề nghị Chủ tịch UBND quận B, thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại lần đầu. Ngày 05/10/2020, UBND quận B ban hành Quyết định số 5601/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Thúy H1. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, tôi làm đơn khiếu nại đến chủ tịch UBND thành phố H đề nghị giải quyết khiếu nại lần 2. Ngày 04/5/2021, UBND thành phố H ban hành Quyết định số: 1973/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Thúy H1, với nội dung giữ nguyên Quyết định số 5601/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B. Nay làm đơn khởi kiện đề nghị xem xét, giải quyết: Hủy Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND quận B, về việc điều chỉnh Quyết định số 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về việc thu hồi đất tại phường Đ; Hủy Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND quận B, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Hủy Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất; Hủy Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND quận B, về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Thúy H1; Hủy Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H, về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Thúy H1; Yêu cầu UBND quận B giải quyết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị Thúy H1 cam đoan không khiếu kiện đối với quyết định hành chính khác đến người có thẩm quyền giải quyết tiếp theo.

2. Quan điểm người bị kiện:

2.1. Đại diện của Chủ tịch UBND thành phố H:

- Tóm tắt nội dung vụ việc: Hộ bà Nguyễn Thị Thúy H1 sử dụng 40,65m² đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất Dự án xây dựng tuyến đường ao Dài, nguồn gốc là đất nông nghiệp công ích, do UBND phường Đ quản lý, diện tích này trước đây do hộ bà Hoàng Thị N sử dụng (thể hiện tại danh sách các hộ sử dụng đất công ích xã Đ năm 2007 HTX Đông Thắng); thuộc một phần thửa đất số 229, tờ bản đồ số 302-A-I, bản đồ đo vẽ năm 1994 xã Đ. Quá trình sử dụng đất, hộ bà N đã tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp công ích, không có xác nhận của chính quyền địa phương; năm 2008, bà Hoàng Thị N chuyển nhượng cho bà Điền Thị H5 64,75m²; năm 2013, bà Điền Thị H5 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thủy H6 64m². Tuy nhiên, thửa đất nông nghiệp công ích nêu trên vẫn được UBND xã Đ (nay là phường Đ) lập danh sách quản lý, theo dõi tại các năm 2007, 2008, 2012, 2013.

Căn cứ Giấy xác nhận số 07/GXN-UBND ngày 24/02/2017 của UBND phường Đ về việc sử dụng đất, về các tài sản trên đất nông nghiệp công ích do U, bị thu hồi thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường A, đối với hộ bà Nguyễn Thị Thúy H1. UBND quận B ban hành Quyết định số 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018, về việc thu hồi 521,91m² đất do UBND phường Đ quản lý; Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 04/3/2019, về việc điều chỉnh Quyết định số 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018, trong đó thể hiện việc thu hồi: 40,65m² đất nông nghiệp công ích thuộc thửa đất số 229 tờ bản đồ số 302-A-I, bản đồ đo vẽ năm 1994 tại phường Đ hiện do bà Nguyễn Thị Thủy H6 đang sử dụng. Sau khi UBND quận B có Quyết định số 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về việc thu hồi đất, số 5301/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Thúy H1, UBND phường Đ đã phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B, Tổ công tác giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thúy H1 nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, hộ bà H1 không nhận Quyết định, không nhận tiền và không bàn giao mặt bằng cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B. Ngày 22/3/2019, Chủ tịch UBND quận B có Quyết định số 1335/QĐ-UBND, về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Thúy H1. Ngày 30/3/2019. Tổ công tác giải phóng mặt bằng cùng với UBND phường Đ, bàn giao quyết định cưỡng chế cho hộ bà Nguyễn Thị Thúy H1. Ngày 05/4/2019, UBND quận B có Quyết định số 1631/QĐ-UBND, về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Dự án. Không nhất trí với Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND quận B, về việc điều chỉnh Quyết định số 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về việc thu hồi đất, Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND quận B, về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện Dự án. Bà Nguyễn Thị Thúy H1 có đơn khiếu nại lần đầu xem xét giải quyết. Ngày 05/10/2020, Chủ tịch UBND quận B có Quyết định số 5601/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thúy H1, với nội dung: “Giữ nguyên Quyết định số ngày 04/3/2019 của UBND quận B, về việc điều chỉnh Quyết định số 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về việc thu hồi đất, Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND quận B, về việc cưỡng chế thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng tuyến đường A, phường Đ (đoạn từ đường H đến xóm F”. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 1), bà Nguyễn Thị Thúy H1 khiếu nại đến Chủ tịch UBND Thành phố. Ngày 04/5/2021, UBND Thành phố có Quyết định số 1973/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thúy H1 (lần hai) với nội dung: “Đồng ý và giữ nguyên Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND quận B về giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thúy H1”.

- Quan điểm đối với yêu cầu khiếu nại của bà Nguyễn Thị Thúy H1:

Đối với nội dung công dân khiếu nại, UBND quận B xác định diện tích đất bị thu hồi của gia đình bà Nguyễn Thị Thúy H1. Qua xem xét, diện tích hộ bà Nguyễn

Thị Thúy H1 sử dụng 40.65m² đất trong chỉ giới thu hồi đất Dự án xây dựng tuyến đường ao Dài có nguồn gốc là đất nông nghiệp công ích, do UBND phường Đ quản lý, diện tích này trước đây do hộ bà Hoàng Thị N sử dụng. Theo tài liệu UBND phường Đ cung cấp. Danh sách các hộ sử dụng đất nông nghiệp công ích của xã Đ lập năm 2007 (có xác nhận của UBND xã Đ, Chủ nhiệm Hợp tác xã Đ1, Hợp tác xã Đ2, Hợp tác xã L) thì: chủ sử dụng thửa đất số 229, diện tích 711m², tờ bản đồ số 302-A-I là bà Hoàng Thị N. Tại Biên bản làm việc ngày 25/12/2020, bà N có ý kiến về thửa đất trên không phải đất nông nghiệp, hộ gia đình bà được giao theo Nghị định số 64/CP. Theo kết quả chồng ghép hiện trạng đo đạc trước khi thu hồi đất lên bản đồ đo vẽ năm 1994, xã Đ quy đổi cùng hệ tọa độ cho kết quả: 40.65m² bà H1 sử dụng nằm trong chỉ giới thu hồi đất Dự án xây dựng tuyến đường A thuộc thửa 229, tờ bản đồ số 302-A-I, bản đồ đo vẽ năm 1994. Đông Ngạc. Quá trình sử dụng đất, hộ bà N đã tự ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp công ích, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Tại thời điểm thu hồi đất năm 2016, bà Nguyễn Thị Thúy H1 cung cấp giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất do các bên tự lập (bà Hoàng Thị N chuyển nhượng cho bà Điền Thị H5 64,75m² năm 2008; bà Điền Thị H5 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thúy H1 64m² năm 2013). Tuy nhiên, thửa đất nông nghiệp công ích nêu trên vẫn được UBND xã Đ (nay là phường Đ) lập danh sách quản lý, theo dõi tại các năm 2007, 2008, 2012, 2013. Căn cứ Giấy xác nhận số 07/GXN-UBND ngày 24/02/2017 của UBND phường Đ về việc sử dụng đất, về các tài sản trên đất nông nghiệp công ích do U, bị thu hồi thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường ao Dài đối với hộ bà Nguyễn Thị Thúy H1, UBND quận B ban hành Quyết định số 5290/QĐ-UBND ngày 27/9 2018, về việc thu hồi 521,91m² đất do UBND phường Đ quản lý; Quyết định số 925 QĐ-UBND ngày 04/3/2019, về việc điều chỉnh Quyết định số 5290 QĐ-UBND ngày 27/9 2018, trong đó thể hiện việc thu hồi: 40,65m² đất nông nghiệp công ích thuộc thửa đất số 229 tờ bản đồ số 302-A-I, bản đồ đo vẽ năm 1994 tại phường Đ hiện do bà Nguyễn Thị Thúy H1 đang sử dụng, là đúng. Như vậy, nội dung công dân khiếu nại, là sai.

Đối với nội dung bà Nguyễn Thị Thúy H1 cho rằng, Chủ tịch UBND quận B thực hiện cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình bà không đúng trình tự, thủ tục do công dân luôn có mặt ở địa chỉ giải phóng mặt bằng, việc UBND quận ghi nhận nội dung, gia đình bà H1 không có mặt tại địa chỉ giải phóng mặt bằng tại buổi vận động ngày 10/10/2018 là không chính xác. Sau khi UBND quận B có Quyết định số 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về việc thu hồi đất, số 5301/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với hộ bà Nguyễn Thị Thúy H1, UBND phường Đ đã phối hợp với Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B, Tổ công tác giải phóng mặt bằng tổ chức vận động, thuyết phục hộ gia đình bà Nguyễn Thị Thúy H1 nhận tiền bồi thường hỗ trợ và giao mặt bằng. Tuy nhiên, hộ bà H1 không nhận Quyết định, không nhận tiền và không giao mặt bằng cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B (ghi nhận tại biên bản các ngày 03/10/2018,

05/10/2018, 10/10/2018, 07/01/2019). Ngày 22/3/2019, Chủ tịch UBND quận B có Quyết định số về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với bà Nguyễn Thị Thúy H1. Ngày 30/3/2019, Tổ công tác giải phóng mặt bằng cùng với UBND phường Đ bàn giao quyết định cưỡng chế cho hộ gia đình bà H1. Ngày 05/4 /2019, UBND quận B có Quyết định số 1631/QĐ-UBND, về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Dự án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Đất đai 2013, quy định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, việc Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 05/4/2019, về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thu hồi đất tại Dự án đối với gia đình bà Nguyễn Thị Thúy H1, do không thực hiện Quyết định thu hồi đất số 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018, số 925/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND quận B là đúng. Tại biên bản làm việc ngày 03/12/2020, đại diện UBND phường Đ và các thành viên Tổ công tác giải phóng mặt bằng, tham gia vận động đối với hộ bà Nguyễn Thị Thúy H1, xác nhận nội dung Tổ công tác có tới gia đình bà H1 tại địa chỉ giải phóng mặt bằng vào ngày 10/10/2018 để vận động, thuyết phục gia đình nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng. Tuy nhiên, hộ gia đình vắng mặt. Do vậy, việc công dân cho rằng UBND quận B thực hiện cưỡng chế, thu hồi đất đối với gia đình bà không đúng trình tự, thủ tục (với lý do; gia đình bà H1 luôn có mặt ở địa chỉ giải phóng mặt bằng, việc UBND quận ghi nhận nội dung gia đình bà không có mặt tại địa chỉ giải phóng mặt bằng tại buổi vận động ngày 10/10/2018, là không chính xác), là sai.

Như vậy, Chủ tịch UBND Thành phố có Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 giải quyết khiếu nại (lần hai) của bà Nguyễn Thị T1 H1 là đúng

định của pháp luật. Đề nghị xét xử theo hướng giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H.

2.2. Quan điểm của người đại diện UBND phường Đ: Căn cứ vào nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, hồ sơ tài liệu lưu tại UBND phường, hồ sơ do công dân cung cấp, các hồ sơ quy định về giải phóng mặt bằng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thu hồi về đất: Việc bà Nguyễn Thị Thúy H1 đề nghị huỷ các định số 5601/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của UBND quận B, định 925/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND quận B điều chỉnh Quyết định 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018; Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất là không có cơ sở vì: Các nội dung này của bà Nguyễn Thị Thúy H1 đã được UBND quận B giải quyết khiếu nại lần đầu tại định số 5601/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND quận B, Chủ tịch UBND thành phố H giải quyết tại định số 1973/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 476/2025/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 3/12/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 3/10/2013 của Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại; Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Nghị định số 43 số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số ngày 6/1/2017 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xét: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H1 về yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau: Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND quận B về việc điều chỉnh Quyết định số 5290/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại phường Đ; điều chỉnh Điều 1 trong đó: “thu hồi 40,65m² đất nông nghiệp công ích thuộc thửa đất số 229 tờ bản đồ số 302-A-I (tờ 9), bản đồ đo vẽ năm 1994 tại phường Đ do bà Nguyễn Thị Thúy H1 đang sử dụng”; Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Thúy H1; Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Thúy H1. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/10/2025, người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thúy H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Người bị kiện đều vắng mặt.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội phát biểu quan: Về tổ tụng quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Luật Tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Về hướng giải quyết vụ án, sau khi phân tích nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và nội dung kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Đề nghị: Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H1 và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 476/2025/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa

án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; Người bị kiện vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt theo Điều 225 Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của người khởi kiện trong thời hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, thấy rằng, căn cứ các tài liệu chứng đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm hoàn toàn đồng tình với các nhận định, phân tích đánh giá tính hợp pháp, tính có căn cứ của các quyết định bị kiện như sau:

[2.1]. Về đối tượng, thời hiệu, thẩm quyền giải quyết: Ngày 31/5/2021, bà Nguyễn Thị Thúy H1 khởi kiện Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 của UBND quận B về việc điều chỉnh Quyết định số 5290/QĐ-UBND về việc thu hồi đất tại phường Đ, điều chỉnh Điều 1 trong đó: “thu hồi 40,65m² đất nông nghiệp công ích thuộc thửa đất số 229 tờ bản đồ số 302-A-I (tờ 9), bản đồ đo vẽ năm 1994 tại phường Đ do bà Nguyễn Thị Thúy H1 đang sử dụng”; Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của Chủ tịch UBND quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất; Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Nguyễn Thị Thúy H1; Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai của bà Nguyễn Thị Thúy H1. Đây là các quyết định hành chính trong hoạt động quản lý nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật Đất đai, nên thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, thời hiệu, thẩm quyền theo quy định khoản 1 và 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính thụ lý, giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về tính hợp pháp các quyết định bị kiện:

[2.2.1]. Quyết định 5290/QĐ-UBND ngày 27/9/2018; Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 04/3/2019 về việc thu hồi đất, điều chỉnh quyết định thu hồi đất: Dự án xây dựng đường D, phường Đ (đoạn từ đường H đến đường X) là dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 62 Luật đất đai 2013, nên thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất giao chủ đầu tư thực hiện dự án. Thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thuộc UBND cấp huyện. Do đó, các quyết định trên được UBND quận B ban hành là đúng thẩm quyền, nội dung đúng theo quy định tại Điều 67, 69 Luật đất đai 2013.

[2.2.2]. Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND quận B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ:

* Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục: Quyết định số 5301/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND quận B được ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Điều 62, 66, 67, 69 Luật đai năm 2013.

* Về nội dung:

- Về nguồn gốc đất: Theo các tài liệu của người khởi kiện là bà H1 cho rằng diện tích đất gia đình bị thu hồi, nguồn gốc đất được nhà nước giao theo Nghị định số 64-CP cho bà Hoàng Thị N. Bà N đã xây nhà trên thửa đất trong khoảng thời gian từ 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004. Đến năm 2008, bà N chuyển nhượng cho bà Diễm Thị H7, đến năm 2013 thì bà H7 chuyển nhượng cho bà H1 sử dụng từ đó cho tới nay. Bà H1 cung cấp các hợp đồng mua bán chuyển nhượng quyền sử dụng đất được các bên ký kết, nhưng không được công chứng hay xác nhận của chính quyền địa phương, không cung cấp được tài liệu thể hiện nguồn gốc đất. Theo hồ sơ nguồn gốc đất lưu tại Phường Đ (cũ) thể hiện Bản đồ đất nông nghiệp đo vẽ năm 1994, xã Đ, tờ bản đồ F.48-104302-A-I), tỷ lệ 1-1000, có xác nhận của Giám đốc Sở Đ3 năm 2000 thể hiện thửa 229, diện tích 711m² trên bản đồ không thể hiện loại đất. Sổ kèm theo không thể hiện các thửa đất nêu trên (theo báo của UBND phường thì sổ chỉ thể hiện đất thổ cư, không thể hiện đất nông nghiệp). Bản đồ quy hoạch sử dụng đất của xã Đ, huyện T năm 1999-2000, tỷ lệ 1:5000, có sở địa chính nhà đất xác nhận. Trên bản đồ không thể hiện chi tiết đến từng thửa đất, không có sổ kèm theo. Về thực hiện giao ruộng theo Nghị định số 64/CP của xã Đ, tại báo cáo của UBND phường Đ, diện tích 02 thửa đất 213 và 229, tờ bản đồ số 302-A-I, bản đồ đo vẽ năm 1994 của xã Đ, nằm trong diện tích 5,325ha đất dành cho nhu cầu đất công ích, được UBND Thành phố H phê duyệt tại Quyết định số 3187/QĐ-UB ngày 30/6/2000. Cùng với đó, theo danh sách các hộ sử dụng đất công ích xã Đ năm 2007 của 03 Hợp tác xã (HTX) gồm HTX Đ1, HTX L, HTX Đ2 có chữ ký của cán bộ địa chính xã, đại diện UBND xã, chủ nhiệm HTX. Trong đó, danh sách tại HTX Đông Thắng thể hiện Tờ bản đồ số 302-A-I, thửa đất 229+211, tổng diện tích 966m², chủ sử dụng: Hoàng Thị N. UBND xã Đ có lập danh sách tổng hợp theo dõi đất công, do UBND xã quản lý năm 2008, 2012, 2013 (trong đó có thể hiện các thửa đất nêu trên). Việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 cho hộ bà Hoàng Thị N, thì hộ bà N được giao 1278m² đất nông nghiệp tại 4 thửa gồm: thửa 13, khu Góc Xi, diện tích 269m²; thửa 15, khu Con Tôm, diện tích 225m²; thửa 21, khu V, diện tích 480m²; thửa 174, khu C, diện tích 304m² không thể hiện thửa đất nào là đất nông nghiệp công ích, diện tích này bà N đã được cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Cũng tại biên bản làm việc ngày 25/12/2000 của Tổ xác minh, Thanh tra thành phố với bà Hoàng Thị N, bà N cho biết: Thửa đất 229, gia đình bà N sử dụng thuộc khu D, bà N không nắm được là đất gì. Bà N xác nhận việc giao đất nông nghiệp được giao chỉ có 1278m², được cấp GCNQSDĐ như nêu

trên Như vậy, căn cứ hồ sơ địa chính và tài liệu quản lý đất đai lưu trữ tại địa phương, có cơ sở xác định phần diện tích 40,65m² đất hiện do bà H1 sử dụng, nguồn gốc là đất công ích do UBND xã Đ (nay là phường Đ) quản lý, diện tích này nằm trong diện tích 5,325ha đất nông nghiệp được giữ lại, để phục vụ nhu cầu công ích và xây dựng các công trình của địa phương theo quy hoạch. Phần diện tích sử dụng này, đã được vào danh sách các hộ sử dụng đất công ích từ năm 2007 của Hợp tác xã Đ1, các bảng theo dõi đất công do UBND xã lập các năm 2008, 2012, 2013. Hộ bà Hoàng Thị N là người từng sử dụng thửa đất này cũng xác nhận không nắm được đây là đất gì, không được nhà nước giao trong phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP, cũng không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 229 nêu trên. Từ đó, có căn cứ pháp lý để xác định phần đất 40,65m² hiện trạng là đất công ích, thuộc quyền quản lý của UBND phường Đ, không phải là đất đã được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng hợp pháp.

- Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ: Theo phương án chi tiết, do xác định diện tích 40,65m² là đất công ích thuộc quyền quản lý của UBND phường Đ, nên không được bồi thường hỗ trợ là đúng với quy định tại Điều 76, Điều 82 Luật đai năm 2013 Hỗ trợ về tài sản công trình gắn liền với đất bị thu hồi, thì trên diện tích 40,65m² bị thu hồi, có công trình xây dựng nhà cấp 4 xây dựng từ 15/10/1993 đến trước ngày 1/7/2004, nên được bồi thường tỷ lệ 50% là đúng với quy định tại Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND Thành phố H về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội, Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND ngày 3/3/2017 của UBND Thành phố H, về việc ban hành quy định về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội.

* Từ những phân tích trên, xác định Quyết định 5301/QĐ-UBND của UBND quận B phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định của pháp luật.

[2.2.3]. Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của tịch UBND quận B về việc cưỡng chế thu hồi đất:

- Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành đúng quy định tại Điều 71 Luật đai năm 2013.

- Nội dung quyết định: Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất số ngày 27/9/2018; Quyết định 925/QĐ-UBND ngày 4/3/2019 đối với hộ bà H1, UBND phường Đ đã phối hợp với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quận B tổ chức vận động, thuyết phục hộ bà H1 nhận tiền bồi thường hỗ trợ và bàn giao mặt bằng, nhưng hộ bà H1 không hợp tác, nên Chủ tịch UBND quận B đã ban hành quyết định cưỡng chế số 1335/QĐ-UBND là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật đai.

[2.2.4]. Quyết định số 5601/QĐ-UBND ngày 05/10/2020 của Chủ tịch UBND quận B, về việc giải quyết khiếu nại lần 1; Quyết định số 1973/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố H, về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục: Các quyết định nêu trên được ban hành đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, 21, 27, 28, 29, 31, 36, 37, 38, 40 Luật khiếu nại năm 2011.

- Về nội dung: Như đã phân tích ở trên, các Quyết định thu hồi đất và Phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất 40,65m² do bà H1 sử dụng là đúng quy định của pháp luật, nên các quyết định giải quyết khiếu nại có nội dung giữ nguyên quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường là có căn cứ.

[2.3]. Với các căn cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H1 là có căn cứ.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tại phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Thúy H1 phải chịu án phí phúc thẩm theo pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị Thúy H1.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 476/2025/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.
3. Bà Nguyễn Thị Thúy H1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm. Được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm do bà H1 đã nộp tại Biên lai thu số 0016242 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.
4. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện CT và KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- Các Đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: P.HCTP-VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Đình Lực